

SỰ PHÂN CHIA “VĂN CHƯƠNG HOÀI HƯƠNG” VÀ “VĂN CHƯƠNG HƯƠNG THỔ” TRONG VĂN HỌC ĐÀI LOAN VÀ VĂN HỌC TRUNG QUỐC

Nguyễn Thị Mai Chanh

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Có sự phân chia hai dòng “văn chương hoài hương” và “văn chương hương thổ” trong văn học Đài Loan, đồng thời cũng có sự phân biệt tại Đại lục và Đài Loan trong cách dùng cụm từ “văn học hương thổ”. Dòng “văn chương hương thổ” thường được xem thuộc về văn học quan phương, là dòng chính của văn đàn “phản ánh đời sống bản thổ đất nước”. Còn dòng “văn chương hoài hương” thì dường như bị đặt vào tình thế mâu thuẫn với “văn chương hương thổ”, trở thành tiếng nói của lớp người di cư từ “quê cũ Đại lục”. Sự phân chia đó trong nhiều trường hợp bị trộn lẫn với ý thức chính trị và trở nên lạc hậu khi đặt trong tầm nhìn lịch đại. Bài viết của chúng tôi sẽ tập trung phân tích và diễn giải về sự phân chia này.

Từ khóa: Đài Loan, văn học hoài hương, văn học hương thổ, văn học Đài Loan, văn học Trung Quốc.

1. Mở đầu

Trên văn đàn Trung Quốc từ những năm 20 của thế kỉ XX đã xuất hiện một lớp nhà văn trẻ sống gần gũi với vùng nông thôn. Họ viết khá nhiều tác phẩm về đề tài đời sống nông thôn và được xem là đã làm hình thành dòng “văn học hương thổ” (native-soil literature). “Văn học hương thổ” chủ yếu là các tác phẩm tự sự, cho nên cũng có thể được gọi là “văn xuôi hương thổ” hay “tiểu thuyết hương thổ” (native-soil fiction). Lí giải sự hình thành của dòng văn học giữ vị trí chủ lưu tồn tại đã hàng trăm năm tại đất nước này, nhà nghiên cứu Mạnh Phồn Hoa cho rằng: “một mặt liên quan đến bản chất xã hội Trung Quốc là “quê mùa”, nhà văn Trung Quốc từ thế kỉ XX trở lại đây dường như đều đến từ nông thôn. Kí ức nông thôn là kí ức văn hoá quan trọng nhất của nhà văn Trung Quốc; mặt khác, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc chủ yếu dựa vào lực lượng nông dân, thắng lợi của chính quyền mới nếu không có sự tham gia của đông đảo nông dân là điều không thể tưởng tượng được” [1]. Cũng theo Mạnh Phồn Hoa, tự sự sớm nhất về nông thôn của văn học Trung Quốc hiện đại quan tâm tới hình tượng người nông dân bởi đó là những con người “nghèo khó do ngu muội, trì trệ, thậm chí “có bệnh” nên bị coi là đối tượng cần được cứu rỗi hoặc khai sáng” [2], ví như các nhân vật: AQ, lão Hoa Thuyên, Tường Lâm... trong truyện ngắn Lỗ Tấn; và hình ảnh nông thôn hiện lên trong các tác phẩm “văn học hương thổ” thời kì này thường là chốn “điên viên yên tĩnh”, “đầy chất thơ” như trong *Cố hương* của Lỗ Tấn, *Biên thành* của Thảm Tùng Văn... Dưới tác động của sự phát triển lịch sử xã hội, dòng “văn học hương thổ” Trung Quốc tuy đã trải qua “hai lần chuyển ngoặt” (từ “văn học hương thổ” sang “đề tài nông thôn” vào những năm 40 của thế kỉ XX; và từ “đề tài nông thôn” sang “văn học hương thổ mới” đầu những năm 1980) nhưng về cơ bản, đó vẫn là *văn học miêu tả nông thôn Trung Quốc*.

Ngày nhận bài: 20/1/2023. Ngày sửa bài: 28/1/2023. Ngày nhận đăng: 13/2/2023.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mai Chanh. Địa chỉ e-mail: maichanhnguyen@gmail.com

Đến với các công trình lược sử văn học Đài Loan, bên cạnh khái niệm “văn học hương thổ”, người đọc còn thường xuyên bắt gặp cụm từ “văn học hoài hương”. Tại Đài Loan trong thời gian 1977 - 1978 từng diễn ra sự kiện văn học sử gọi là “Luận chiến văn học hương thổ”. Sự kiện này đã đi vào lịch sử văn học Đài Loan như là một hiện tượng văn hóa lớn, có ý nghĩa xã hội quan trọng. Theo số đông các nhà văn học sử Đài Loan, “văn học hương thổ” Đài Loan đã có từ thời kì “Nhật trị” (Đài Loan thuộc Nhật), do đó cũng có ý kiến nêu vấn đề luận chiến văn học hương thổ từng đã diễn ra dưới thời Nhật thuộc (năm 1930). Các nhà nghiên cứu gọi đó là “Cuộc luận chiến văn học hương thổ lần thứ nhất” và gọi cuộc luận chiến năm 1977-1978 là “Cuộc luận chiến văn học hương thổ lần thứ hai”. Thực tế sáng tác của các nhà văn thuộc dòng “văn học hương thổ” Đài Loan và các cuộc luận chiến cho thấy “văn học hương thổ” Đài Loan có sự khác biệt lớn so với ở Đại lục; và việc “làm đầy” các khái niệm: “văn học hương thổ”, “văn học hoài hương” vẫn còn đang trong quá trình, đòi hỏi sự góp sức dần của các học giả, dịch giả. Bài viết của chúng tôi là một nỗ lực nhỏ hi vọng làm rõ phần nào ý nghĩa và sở chỉ của các khái niệm trên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khởi đầu tại Đại lục

Sự xuất hiện cụm từ “văn học hương thổ” được các học giả Trung Quốc xác nhận bắt đầu từ thưở Trung Quốc biên soạn bộ tổng tập văn học hiện đại đầu tiên: *Trung Quốc tân văn học đại hệ* (tạm dịch: *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc*) xuất bản năm 1935-1936. Bộ sách này gồm 10 quyển (Quyển 1 - *Kiến thiết lí luận tập* do Hồ Thích biên tuyển; Quyển 2 - *Văn học tranh luận tập* do Trịnh Chấn Đặc biên tuyển; Quyển 3, 4 và 5 - *Tiểu thuyết nhất tập*; *Tiểu thuyết nhị tập* và *Tiểu thuyết tam tập* lần lượt do Mao Thuần, Lỗ Tấn và Trịnh Bá Kỳ biên tuyển; Quyển 6 và 7 - *Tản văn nhất tập* và *Tản văn nhị tập* do Chu Tác Nhân và Úc Đạt Phu biên tuyển; Quyển 8 - *Thi tập* do Chu Tự Thanh biên tuyển; Quyển 9 - *Hý kịch tập* do Hồng Hâm biên tuyển; và Quyển 10 - *Sử liệu - Sách dẫn* do A Anh biên tuyển) [3]. Với chủ trương phản ánh quảng đầu tiên của lịch trình văn học Trung Quốc hiện đại, bộ sách đã tuyển các tác phẩm văn chương, trước tác lí luận phê bình văn học và các bài luận chiến văn chương trong thời gian mười năm - thập niên đầu của văn học mới Trung Quốc (1917-1927). Lời tựa cho cả bộ sách cũng như lời nói đầu ở mỗi quyển đều tập trung vào việc phác họa tiến trình của nền văn học mới: từ sự phát sinh, phát triển của các thể loại và lí luận, cho đến những sự kiện văn học lớn, những chủ trương văn chương nổi bật và cả các nhóm, các tổ chức văn học. Nhìn tổng thể, người đọc có thể thấy thành tựu lớn nhất của nền văn học mới chính là nền văn xuôi mới. Và trong đó, quan trọng nhất là thể tài tự sự. Trong số 5 quyển tuyển tác phẩm văn xuôi thì chiếm đến 3 quyển (quyển 3, 4 và 5) tuyển các sáng tác tự sự (gọi bằng từ “tiểu thuyết”) - tổng cộng gồm 153 tác phẩm của 81 nhà văn. Chỉ trong vòng vài chục năm, văn xuôi tự sự Trung Quốc đã thử nghiệm hầu hết các thể loại quan trọng, trải nghiệm gần hết các dòng phái nổi tiếng của văn học phương Tây. Ngay như “văn học hương thổ” là một dòng phái nhỏ, dĩ nhiên sinh sôi nảy nở trên chính “bản thổ” của mình nhưng nó vẫn cho thấy mối liên hệ xa xôi với “văn học Tây dương”. Từ những năm 1920, trong mục “Văn học tiểu từ điển” trên phụ san “Giác ngộ” của *Dân quốc nhật báo* số ra ngày 31/5/1921, văn hào Mao Thuần đã biên tập các mục từ: “Nghệ thuật hương thổ” (Heimatkunst), “Tiểu thuyết hương thổ” (Dialect novel) [4]. Thế giới từng biết đến “Heimatkunst” (tạm dịch: *Nghệ thuật quê hương*) - phong trào văn học trong thế giới nói tiếng Đức vào khoảng năm 1890 đến đầu những năm 1930. Phong trào này lấy cuộc sống nông thôn Đức và cả Thụy Sĩ làm đề tài của nhiều sáng tác tiểu thuyết. Tại Trung Quốc khi đó, nhà văn Úc Đạt Phu (1896-1945), người biên tuyển và viết lời giới thiệu quyển 7 - bộ sách *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc* cho biết, các tác giả phái “nghệ thuật hương thổ” thịnh hành 20 năm trước ở Đức đã miêu tả tỉ mỉ phong cảnh và sinh hoạt quê hương. Bản thân

Úc Đạt Phu trong thiên truyện *Trầm luân* (in lần đầu năm 1921) cũng đã xây dựng hình tượng nhân vật mang nỗi buồn “huương thổ”. Lời trần thuật ngôi thứ ba (lời thuật về “anh ta”) của cuốn tiểu thuyết là lời của một người kể chuyện có học mang tâm trạng nhớ quê. Văn bản dùng nguyên cả thuật ngữ tiếng Tây chưa kèm: “Anh chưa từng có đêm nào mà nếm trải bệnh hoài hương (nostalgia) của kẻ ngụ nơi đô thị nặng tệ bằng đêm này” (nguyên văn: “他对于都市的怀旧病 (nostalgia) 从未有比这一晚更甚的”) [5]. Thuật ngữ *nostalgia* ở đây thường được dịch là “chúng nhớ nhà” (nhớ nhung quê nhà đến phát ốm).

Như vậy, thực ra từ những năm 20 của thế kỉ trước, các cụm từ “màu sắc địa phương”, “văn nghệ địa phương”, “nghệ thuật hương thổ” và cả “văn học nông dân” nữa đã được đề xuất bởi các nhà văn Mao Thuần, Chu Tác Nhân, Úc Đạt Phu. Tuy nhiên, phải đến tuyển tập *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc*, “văn học hương thổ” mới xuất hiện với tư cách là một thuật ngữ lí luận văn học. Chính là từ bộ sách này (với Quyển 3 - *Mao Thuần biên tuyển* và Quyển 4 - *Lỗ Tấn biên tuyển*), thuật ngữ “văn học hương thổ” (鄉土文學) đã được đề xuất để định hình một loại hình nghiên cứu bộ phận sáng tác văn xuôi nhất định trong nền văn học mới Trung Quốc. Và cũng tại đây cho thấy ít nhiều sự khác biệt giữa Lỗ Tấn và Mao Thuần trong sự diễn giải cụm từ “văn học hương thổ”.

Lỗ Tấn viết trong “Lời giới thiệu” Quyển 4 - bộ *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc*: “Giản Tiên Ngải viết về Quý Châu (một tỉnh miền núi Tây Nam Trung Quốc- NTMC), Bù Văn Trung quan tâm đến Du Quan (địa danh miền biên thuộc tỉnh Hà Bắc, phía Đông Bắc Trung Quốc - NTMC), phàm sống ở Bắc Kinh viết ra những chuyện trong tâm tưởng thì dù tự xưng là khách quan hay chủ quan thì kì thực đó là văn học hương thổ. Còn với Bắc Kinh mà nói thì đó là các tác giả kiều cư. Nhưng đây lại không phải “văn học kiều dân” như G. Brandes từng nói. Kiều cư chỉ là bản thân tác giả chứ không phải tác phẩm của họ, cho nên cũng chỉ thấy ẩn hiện nỗi sầu nhớ quê hương, rất khó có cái “tình điệu khác biệt địa vực” (dị vực tình điệu) khơi gợi tâm trí độc giả, làm lóa sáng tầm mắt độc giả” [6]. Ở đây Lỗ Tấn chỉ rõ, tác giả của văn học hương thổ là các nhà văn “ngụ cư” đô thị. Các tác giả này viết để bộc lộ “nỗi sầu nhớ quê hương” chứ chưa phải là sự thể hiện của tình điệu “khác biệt địa vực” ẩn chứa sự đối lập giữa hiện tại “ngụ cư” với nỗi âu lo về một “cố thổ” hay “cố hương” - tâm thức của “văn học kiều dân”. Cũng có thể nói, Lỗ Tấn coi “văn học hương thổ” là vấn đề nội tại của một nền văn học. Đó không phải là chuyện liên quốc gia (“dị vực” trong cụm từ “dị vực tình điệu” mà chúng tôi tạm dịch là “tình điệu khác biệt địa vực” chủ yếu chỉ “đất nước khác”).

Trong bài viết *Về văn học hương thổ* (năm 1936), Mao Thuần tiếp nối quan điểm văn học hương thổ là văn học viết về “đời sống nông dân”, nói lên cái khổ của nhà nông, thể hiện “màu sắc địa phương” (local color). Ông nói: “Đặc trưng chủ yếu của “văn học hương thổ” không phải ở sự miêu tả đơn thuần phong tục tập quán miền quê. Liên quan đến “văn học hương thổ”, tôi cho rằng chỉ mỗi miêu tả tâm tình con người và cảnh trí đặc thù thì chỉ là cho xem một bức họa cảnh lạ, tuy có thể gây cho ta những kinh ngạc nhưng đó cũng chỉ là sự thỏa mãn lòng hiếu kì. Thế nên ngoài tâm tình con người và cảnh trí đặc thù ra còn nên có những trần trớ phổ biến đối với số phận chung với chúng ta nữa. Một tác giả chỉ với con mắt của người du lịch thường chỉ có thể đưa đến cho chúng ta điều nói phía trước; phải là một tác giả có một nhân sinh quan cùng thể giới quan nhất định mới có thể đưa đến cho chúng ta điều chủ yếu nói đến ở phía sau” [7].

Vậy là, cả trên thế giới cũng như tại Trung Quốc thời Ngũ Tứ, văn học sử cũng như lí luận văn học đều đã chú ý tới đặc trưng vùng miền - “xứ” trong văn chương. Trên thực tế đã có không ít nhà văn chuyên viết về quê hương mình. Nhưng Đài Loan thì không phải là Quý Châu, Vân Nam, hay là bất cứ một miền-xứ, tỉnh nội địa nào của Trung Quốc. Đài Loan, ngoài tính cách địa lí hải đảo ra, còn có tình hình lịch sử xã hội đặc biệt mà chỉ có trường hợp Hong Kong mới so sánh được. Tất nhiên, so sánh Đài Loan với Hong Kong cũng chỉ là so sánh về địa lí hải đảo và “số phận” chia tách về chính trị. Hong Kong vì lãnh thổ nhỏ nên không đặt vấn đề “văn

học hương thổ” hiểu theo nghĩa có sự chia tách giữa “nông thôn” (dù ban sơ là làng chài) và thành thị. Và vì thế, tuy cùng viết hai từ bốn chữ thành cụm “văn học hương thổ” nhưng cách dùng cụm từ này là hoàn toàn khác biệt giữa Đài Loan và Đại lục. Vậy nên, trước khi trình bày về cách dùng cụm từ này, chúng ta cũng cần thiết điểm qua một cụm từ gần gũi, đó là “văn học hoài hương”.

2.2. Bước qua thời kì “văn học hoài hương”

Các cuộc di cư số đông, hay đơn giản hơn là sự tha hương của cá nhân đã tạo nên chủ đề “hoài hương” trong văn hóa. Hoài hương (懷鄉), tư hương (思鄉), hương sầu (鄉愁), hương quan (鄉關)... là những từ khóa quen thuộc trong văn chương Trung Hoa. Trong những khúc quanh của lịch sử thời đại, chủ đề hoài hương khơi gợi niềm đồng cảm rộng rãi. Như chúng ta đã biết, năm 1945, khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, Trung Hoa Quốc dân đảng đã tiếp quản Đài Loan từ tay Nhật, khởi sự chương trình di cư đáng kể. Cuộc di dân này diễn ra với quy mô lớn nhất kể từ mùa đông 1949 khi chính quyền Trung Hoa Dân Quốc rút ra Đài Loan. Đây là cuộc di dân lần thứ hai trong lịch sử Đài Loan, “Đài Loan đã dung nạp khoảng 1,5 đến 2 triệu di dân mới, trong đó khoảng 800 nghìn quân nhân” [8]. Chính quyền Quốc dân đảng đã ban bố lệnh giới nghiêm trên toàn đảo và không ngừng chủ trương “quang phục Đại lục” - trở lại tổ quốc Trung Hoa. Đài Loan lúc đó xuất hiện dòng văn học được tuyên truyền ủng hộ bởi chính quyền. So với dòng văn học ấy, bộ phận “văn học hoài hương” được chấp nhận dễ dàng hơn đối với số đông dân chúng trên đảo. “Văn học hoài hương” được xem là kí ức chung của thế hệ di cư thứ nhất từ Đại lục sang Đài Loan kể từ những năm trước và sau 1949. “Quê hương” được nhớ đến đó là quê nhà Đại lục nói chung, không nhất thiết chỉ là vùng hương thôn. Chẳng hạn, đó là một góc Bắc Bình (Bắc Kinh) trong tác phẩm *Thành nam cựu sự* của Lâm Hải Âm - nữ văn sĩ sinh năm 1918, từng trải qua thời thơ ấu và tuổi trẻ ở Bắc Kinh, năm 1948 định cư ở Đài Loan cùng gia đình. Tập truyện ngắn liên hoàn mang tính chất tự truyện này được đăng tiếp nối trên hai kì tạp chí *Trung Quốc tự do* cuối năm 1957 và được in thành sách riêng lần đầu vào năm 1960 do Nxb Quang Khải, Đài Trung phát hành. Tác phẩm là sự hồi tưởng về tuổi thơ nơi ngõ nhỏ nam thành Bắc Kinh những năm 20 của thế kỉ XX - nơi mà giờ đây cô bé Anh Tử cùng gia đình lìa xa không còn quay lại nữa. Hay đó là một vùng quê thuộc miền Đông tỉnh Triết Giang trong sáng tác *Mộng Hồi Thanh Hà* của Ô Lê Hoa (1929-2020) - nhà văn sinh ra và lớn lên tại Thượng Hải, đến Đài Loan năm 1947. Đó cũng là miền quê trong danh tác *Chiếc chuông đã mất* của Nhiếp Hoa Linh (1925 -) - nữ tác gia sinh ra và lớn lên ở Vũ Hán, đến Đài Loan năm 18 tuổi (1949)... Tất cả các tiểu thuyết nổi tiếng trên đều lấy bối cảnh tự sự là “quê nhà Đại lục” những năm thuộc thập niên 50 của thế kỉ XX trở về trước.

Nhưng tại Đài Loan, “văn học hoài hương” còn được hiểu theo nghĩa rộng. Nó bao gồm cả những tác phẩm của các nhà văn như Lý Ngạo (1935-2018), Nê Khắc (1926-1999) - những tác giả có lập trường chính trị “một Trung Hoa Dân Quốc”, ca tụng lí tưởng “quang phục Đại lục”; hay tác phẩm của nhóm “Tam Tam tập san” (三三集刊) sau thập niên 1970 (nhóm văn học “Tam Tam” cũng phân biệt với ý thức Đài Loan độc lập và khuynh hướng Đài Loan bản thổ hóa ở ý thức chính trị nhấn mạnh văn hóa Trung Hoa cùng Chủ nghĩa Tam Dân, cô sủng tinh thần “Quang phục Đại lục”). “Văn học hoài hương” Đài Loan còn bao gồm cả sáng tác của các nhà văn Hoa kiều Đông Nam Á, nhất là ở Mã Lai (馬華文學 Mã Hoa văn học - sáng tác Hán ngữ của thế hệ nhà văn di cư đầu tiên từ đầu thế kỉ XX). Có thể thấy, đặc điểm chung của các sáng tác “văn học hoài hương” thịnh hành trên văn đàn Đài Loan thập niên 50-60 là biểu đạt nỗi “hương sầu”, là sự “hồi ức cố quốc”, qua đó phản ánh xa gần tâm tư “quy hương” của thế hệ di cư từ Đại lục. Đó là nét chủ đề chung phân biệt dòng văn học này với “văn học hương thổ” - dòng văn học mà quê hương chính là bản địa, là lịch sử và đời sống sở tại.

2.3. Dòng chính của văn học xứ sở - “Văn học hương thổ”

Các chủ đề “hoài hương” và “lưu vong” trong văn học Đài Loan thời kì 1950-1960 của các tác giả thuộc thế hệ di cư thứ nhất từ Đại lục (lấy mốc là những năm trước-sau 1949 vài năm) cũng như các tác giả thế hệ thứ hai dần đã không còn sức thuyết phục văn đàn nữa. Đài Loan như là một xứ sở với lịch sử bản địa không chỉ gồm những tác giả di cư, mà cuộc sống Đài Loan cần có nền văn học thể hiện hiện thực đặc trưng của đông đảo người dân bản quán, hướng tới tinh thần tự do, bình đẳng, đa dạng, khoan dung và hòa hợp trong cộng đồng toàn đảo cũng như quốc tế.

Vì thế, từ cuối thập niên 60 trở đi, văn đàn Đài Loan nổi lên dòng “văn học hương thổ”. Song nói như vậy không có nghĩa là chỉ đến khi đó văn học sử Đài Loan mới biết đến “văn học hương thổ”. Cuộc tranh luận về “văn học hương thổ” diễn ra năm 1977-1978 một mặt cho thấy những xen cài lí do chính trị và lịch sử phức tạp, nhưng về mặt văn học cũng cho thấy tính không thuần nhất một chiều của bản thân dòng văn học này. Trên đại thể, chúng ta hoàn toàn có thể quan sát trở lại dòng văn học này trong tầm nhìn văn học sử, tức là xem xét nó trong diễn trình nằm trong chính thể văn học Đài Loan. Về vấn đề này, không ai xứng đáng được trích dẫn hơn tác giả của công trình *Lược sử văn học Đài Loan* - nhà văn, nhà nghiên cứu văn học xuất sắc Diệp Thạch Đào (1925-2008):

“Văn học hương thổ Đài Loan có lịch sử lâu đời. Những cuộc di dân của dân tộc Hán đến thời Minh đầu đời Thanh nhằm tránh chiến tranh và bạo loạn. Họ bắt chấp sự hiểm nguy tính mạng từ Đại lục vượt biển đến Đài Loan. Họ cùng các dân tộc bản địa nơi đây khai khẩn mảnh đất đẹp đẽ này, cho dù người Đài Loan đều biết “nguồn cội”, nhưng trải qua biến động lịch sử hơn 400 năm, ngoài thời kì Đài Loan bị chia cắt, có một phần tầng lớp tiểu tư sản quay về Đại lục, rất ít di dân gốc Hán quay về quê hương. Đài Loan trở thành quê hương duy nhất của họ và con cháu họ. Do đó, đối với dân di cư Đài Loan gốc Hán, bảo vệ mảnh đất mà họ sinh tồn là nhiệm vụ tất yếu của họ. Tinh thần đấu tranh kiên cường của người dân Đài Loan 400 năm qua đã tạo nên sự thật lịch sử của Đài Loan. Văn học hương thổ Đài Loan bám rễ vào sự thật lịch sử này, miêu tả hiện thực xương máu của người dân Đài Loan, không chấp nhận sự bài xích và những ánh mắt coi thường, kì thị từ bên ngoài [...]. Văn học vốn bám rễ vào bối cảnh hiện thực, nếu rời xa tính lịch sử, kìm ức thì văn học làm sao có thể phản ánh được tiếng nói của người dân? Các tác phẩm của tác giả những năm 50, 60 từ Đại lục sang Đài Loan rất ít khi mô tả hiện thực cuộc sống của người nông dân và người lao động Đài Loan” [9].

Lẽ dĩ nhiên, có một bản địa với dân chúng sinh sống lâu đời và có tổ chức chính quyền đương cục thì hẳn sẽ một nền văn học bản địa. Ngay cả khi đảo bị đặt dưới chế độ cai trị của Nhật Bản - một ách cai trị nhắm tới đồng hóa triệt để, chỉ cho phép sử dụng Nhật ngữ, thì tinh thần xứ sở đó vẫn không phai pha. Cho nên, tác giả của công trình *Lược sử văn học Đài Loan* mới nói, văn học Đài Loan dưới thời Nhật thuộc “chính là văn học hương thổ, nó chú trọng biểu hiện tính bản địa (regionalism) và sắc thái biểu hiện này mạnh mẽ hơn nhiều so với (biểu hiện) tính quốc tế. Đồng thời nền văn học hương thổ phản ánh chân xác khổ nạn của người dân Đài Loan dưới ách thống trị thực dân” [10].

Đến đây, chúng ta có thể thấy, hai chữ “hương thổ” trong cụm từ “văn học hương thổ” trong ngữ cảnh lịch sử xã hội xứ sở hòn đảo gần 20 triệu người dân (vào thời gian Diệp Thạch Đào xuất bản cuốn sách) không chỉ là nông thôn hay quê nhà của bộ phận cư dân thành phố. Đó là bản địa, là non sông, là biển bờ của một cộng đồng dân chúng, dĩ nhiên đông đảo nhất vẫn phải là “nông dân và người lao động” - gọi chung là “người dân Đài Loan”. Dòng văn học được coi là tấm gương của tâm hồn cộng đồng người trong suốt trường kì xây đắp xứ sở ấy trong cảnh ngộ lịch sử xã hội ba đảo đặc biệt - tự gọi là “văn học hương thổ” - rốt cuộc phải là dòng văn học chính của xứ sở, gọi gọn là “văn học Đài Loan”. Diễn giải của Diệp Thạch Đào trong đoạn trích dẫn trên đủ cho thấy lí do vì sao mà “Văn học hương thổ trong những năm 70 trở lại vũ đài lịch sử, trở thành trào lưu chính trong văn học Đài Loan, từ đó bỏ đi cách gọi “văn học hương thổ”, trở thành ngọn nguồn của lịch sử văn học Đài Loan” [11]. “Văn học hương thổ”

Đài Loan phát triển mạnh trong thập niên từ 1960 đến 1970, đậm đà ý thức xã hội và chủ yếu theo khuynh hướng hiện thực chủ nghĩa. Các tác phẩm mô tả đời sống tầng lớp trung lưu và lớp dưới trong xã hội Đài Loan, hướng tới các cộng đồng địa phương trên khắp lãnh thổ, thể hiện sự quan tâm nhân bản và tinh thần bản ngã chủ thể - con người sống tại xứ sở này. Sau thập niên 1970, “văn học hương thổ” Đài Loan đã đóng góp những tác phẩm miêu tả chân thực cuộc sống bản thổ với các tác giả tiêu biểu như: Vương Trinh Hòa, Ngô Trục Lưu, Chung Triệu Chính, Chung Lý Hòa, Hoàn Xuân Minh, Lý Kiều... Vào những năm 80 của thế kỉ, như Diệp Thạch Đào nói rõ trong một cuốn văn học sử nổi tiếng do ông chủ biên (*Luận về tác gia hương thổ Đài Loan*, Nxb Văn Cảnh, 1979), “tên gọi văn học hương thổ đã biến mất, thay vào đó là tên gọi văn học Đài Loan. Điều này thể hiện diện mạo đa nguyên và cách tân. Dòng chảy thời gian vô tình đóng chặt, vùi lấp đi những quan điểm tranh luận về tên gọi của một nền văn học, sự phát triển của văn học Đài Loan qua thử thách thời gian đã bước thêm một tầng diện mới” [12].

Những lời lẽ thấu đáo của nhà nghiên cứu cho thấy, đó không phải là sự kết thúc của dòng “văn học hương thổ”, mà là sự kết thúc của một tên gọi. Một tên gọi dường như nên đi vào văn học sử như một tên gọi cũ để hòa chuyển vào một tên gọi lớn hơn, phù hợp hơn với bước chuyển thời đại trong tinh thần đa nguyên hài hòa, hướng tới thế giới từ ý thức bản thổ - ý thức Đài Loan. Diệp Thạch Đào mất năm 2008. Lời của ông được khắc trên bia đá dựng ở đường phố đi bộ bên hồ Liên Trì, thành phố Cao Hùng: “Tác gia Đài Loan cần mở rộng lòng trí mình, mở ra một không gian Đài Loan càng cao càng rộng hơn” cũng là một sự thể hiện tinh thần của thời đại mới: “văn học hương thổ” hòa chuyển vào nền văn học bao dung khai phóng - gọi là “văn học Đài Loan”. Một nền văn học của chính mảnh đất là quê hương chung của toàn thể dân chúng, nói lên tiếng nói của số đông cộng đồng sinh tồn trên xứ sở hằn phải chống lại bất cứ hình thức thực dân nào, hằn phải giữ lấy Đất Mẹ hương thổ (native land) để sống cùng thế giới... Đó là một nền văn học có thể hiểu theo cả hai nghĩa: hiểu theo nghĩa rộng, văn học Đài Loan chỉ tất cả các tác phẩm được công bố của các tác giả sinh ra hay ngụ cư ở Đài Loan; hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ các tác phẩm văn học “miêu tả con người xứ sở Đài Loan, tái hiện hoàn cảnh điển hình tại Đài Loan, viết bằng ngôn ngữ Đài Loan, biểu hiện tư tưởng và cuộc sống người Đài Loan”.

3. Kết luận

Tại Việt Nam, văn học Đài Loan được biết đến sớm hơn cả ở miền Nam chủ yếu qua tiểu thuyết diễm tình của Quỳnh Dao và tiểu thuyết kiếm hiệp của Cổ Long. Trong vài thập niên gần đây đã có thêm nhiều tác phẩm và công trình nghiên cứu, phê bình của các tác giả Đài Loan được dịch và xuất bản. Trong bối cảnh mới của giao lưu văn hóa Việt - Đài, sự hiểu hiểu biết văn học giữa Việt Nam và Đài Loan cũng ngày một sâu sắc hơn. Việc đi sâu tìm hiểu, làm đầy thêm các khái niệm vốn xuất hiện thường xuyên trong nghiên cứu văn học Đài Loan như “văn học hương thổ”, “văn học hoài hương”... giúp chúng tôi có cái nhìn đúng đắn hơn về nền văn học này. Chúng tôi xin tạm kết bài viết bằng đoạn trích dẫn ý kiến sau của Trần Đình Sử trong “Lời giới thiệu” cho bản dịch *Lược sử văn học Đài Loan* nhân dịp nhà xuất bản Đại học Sư phạm xuất bản bản dịch này: “*Hương thổ* là một khái niệm đa nghĩa, gây tranh cãi, và do tranh cãi nên khó dịch. Nó vừa chỉ văn học mang sắc thái địa phương, vừa chỉ đời sống nông thôn, vừa chỉ quê hương, dân tộc, vừa chỉ bản địa, đất đai nền tảng, nhìn chung, là văn học viết về Đài Loan, của người Đài Loan, một Đài Loan của thế giới, dưới tầm mắt thế giới. Nói như Diệp Thạch Đào, đó là văn học “lấy Đài Loan làm trung tâm”, có “lập trường Đài Loan đối với thế giới”. Đó là dòng chính của văn học Đài Loan, làm cho nó khác biệt với văn học Đại lục. Dần dần, “văn học Đài Loan trở thành khái niệm được mọi người tán thành, thay thế khái niệm “văn học hương thổ”, tuy vẫn viết bằng tiếng Trung, nhưng là một nền văn học độc đáo, riêng biệt, tương tự như văn học Mỹ, tuy viết bằng tiếng Anh mà không phải là văn học Anh” [13].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trình Quang Vũ chủ biên, 2019. *60 năm văn học đương đại Trung Quốc*, Đỗ Văn Hiểu dịch. Nxb Phụ nữ Việt Nam, tr. 32.
- [2] Trình Quang Vũ chủ biên, 2019. *60 năm văn học đương đại Trung Quốc*, Đỗ Văn Hiểu dịch. Nxb Phụ nữ Việt Nam, sđd, tr. 33.
- [3] Xin xem Nhiều tác giả, 2003. *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc*. Nxb Văn nghệ Thượng Hải (bản in ảnh).
- [4] Hoàng Diệt, 2015. ““Âu hóa”, “Màu sắc địa phương” và “Tính thế giới” - Luận về những sáng tạo mở đầu trong lí luận phê bình hương thổ thời đại Ngũ Tứ”, *Nguyệt san nghiên cứu Lỗ Tấn*, Kỳ 8, tr. 23.
- [5] Úc Đạt Phu, 2002. *Trầm luân*. Nxb Nhật báo nhân dân, tr. 34.
- [6] Lỗ Tấn, 2003. “Lời giới thiệu”, *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc, Tiểu thuyết nhứt tập*, Nxb Văn nghệ Thượng Hải (bản in ảnh), tr. 9.
- [7] Mao Thuấn, 2003. “Lời giới thiệu”, *Hệ thống hóa văn học mới Trung Quốc, Tiểu thuyết nhứt tập*, Nxb Văn nghệ Thượng Hải (bản in ảnh), tr. 12-13.
- [8] Diệp Thạch Đào, 2018. *Lược sử văn học Đài Loan* (Phạm Tú Châu, Trần Hải Yến, Bùi Thiên Thai, Lê Xuân Khai dịch), Nxb Đại học Sư phạm, tr. 111.
- [9] Diệp Thạch Đào, 2018. *Lược sử văn học Đài Loan*, sđd, tr. 192-193.
- [10] Diệp Thạch Đào, 2010. *Lược sử văn học Đài Loan*, Nxb Xuân Huy, tr. 120.
- [11] Diệp Thạch Đào, 2018. *Lược sử văn học Đài Loan*, sđd, tr. 193.
- [12] Diệp Thạch Đào, 2018. *Lược sử văn học Đài Loan*, sđd, tr. 203.
- [13] Diệp Thạch Đào, 2018. *Lược sử văn học Đài Loan*, sđd, tr. XII.

ABSTRACT

The division of “nostalgic literature” and “local literature” in Taiwanese literature and Chinese literature

Nguyễn Thị Mai Chanh

Faculty of Philology, Hanoi University of Education

There exists a segregation between “nostalgic literature” and “local literature” in Taiwanese literature, as well as a clear distinction in China and Taiwan in defining “local literature”. “Local literature” in literature is considered as a part of mandarin literature, which is the main genre of literary works that “reflect the indigenous life of the country”. Meanwhile, “nostalgic literature” literature is in conflict with “local literature” where it resonates with the voice of the migrants from “the mainland home”. The distinction, in many cases, is integrated with political implications, thereby becoming obsolete upon being placed in a historical perspective. This essay will focus on analyzing and interpreting this segregation.

Keywords: Taiwan, nostalgic literature, local literature, Taiwanese literature, Chinese literature.